

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3224/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ thu mẫu và phân tích mẫu trong công tác quản lý môi trường các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 4859/BC-STC ngày 01/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ thu mẫu và phân tích mẫu trong công tác quản lý môi trường các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Tên gói thầu: Dịch vụ thu mẫu và phân tích mẫu trong công tác quản lý môi trường các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (Danh mục kèm theo).

2. Giá gói thầu khoảng: **1.995.940.000 đồng**, (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng), đã bao gồm thuế GTGT.



- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.

- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình mua sắm tài sản, dịch vụ, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

3. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh (Nguồn dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2020).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, thực hiện qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 9 năm 2020.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

**DANH MỤC CHI TIẾT**

(Kèm theo Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh)

I. Thu mẫu, phân tích mẫu:

STT	Chỉ tiêu/thông số	Quan trắc môi trường tại:		Số lượng mẫu
		Hiện trường	Phòng thí nghiệm	
A.	Hoạt động quan trắc nước thải			
1	pH	x		201
2	Màu	x		176
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	x	x	201
4	COD	x	x	201
5	Chất rắn lơ lửng	x	x	201
6	Coliform	x	x	176
7	Tổng dầu mỡ khoáng	x	x	201
8	Tổng Xianua	x	x	166
9	Tổng phot pho (tính theo P)	x	x	201
10	Tổng nitơ	x	x	201
11	Amoni (tính theo N)	x	x	201
12	Sunfua	x	x	176
13	Crom (VI)	x	x	176
14	Crom (III)	x	x	176
15	Florua	x	x	176
16	Clorua	x	x	176
17	Clo dư	x	x	176
18	Chì	x	x	176
19	Cadimi	x	x	176
20	Asen	x	x	176
21	Thủy ngân	x	x	176
22	Đồng	x	x	176
23	Kẽm	x	x	176
24	Mangan	x	x	176
25	Sắt	x	x	176
26	Niken	x	x	176
27	Tổng phenol	x	x	176
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	x	x	27
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	x	x	27



STT	Chỉ tiêu/thông số	Quan trắc môi trường tại:		Số lượng mẫu
		Hiện trường	Phòng thí nghiệm	
B.	Hoạt động quan trắc khí thải			
1	Thải lượng ống khói, ống thoát khí	x		35
2	Nhiệt độ	x		2
3	Vận tốc	x		2
4	Hàm ẩm	x		2
5	Khối lượng mol phân tử khí khô	x		2
6	Áp suất khí thải	x		2
7	Khí Oxy (O ₂)	x		15
8	Khí CO	x		35
9	Khí NO	x		35
10	Khí Nitơ dioxit (NO ₂)	x		35
11	Khí Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	x		35
12	Bụi	x	x	35
13	H ₂ S	x	x	4
14	HCl	x	x	5
15	HF	x	x	4
16	H ₂ SO ₄	x	x	5
17	Kim loại Pb	x	x	4
18	Kim loại Cd	x	x	4
19	Kim loại As	x	x	4
20	Kim loại Sb	x	x	4
21	Kim loại Se	x	x	4
22	Kim loại Hg	x	x	4
23	Kim loại Cu	x	x	4
24	Kim loại Cr	x	x	4
25	Kim loại Mn	x	x	4
26	Kim loại Zn	x	x	4
27	Kim loại Ni	x	x	4
28	Benzen	x	x	10
29	Toluen	x	x	10
30	CH ₄	x	x	10
31	Xylen (và các dung môi khác)	x	x	10

II. Vận chuyển chuyên gia, thiết bị thu mẫu, phân tích mẫu:

STT	Địa bàn	Số chuyên
1	Thành phố Biên Hòa	25
2	Huyện Long Thành	25
3	Huyện Nhơn Trạch	25
4	Huyện Trảng Bom	25
5	Huyện Thống Nhất	15
6	Thành phố Long Khánh	15
7	Huyện Xuân Lộc	4
8	Huyện Định Quán	4
9	Huyện Tân Phú	4
10	Huyện Vĩnh Cửu	4

Tổng giá trị gói thầu (bao gồm VAT): 1.995.940.000 đồng
(Một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ghi chú: Dấu “x” là thực hiện quan trắc, để trống là không thực hiện.

